

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8-ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09/09/2025

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hai;
2. Ông Nguyễn Hùng Cường;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Thiên Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2024/TLST- HNGĐ, ngày 08/10/2024 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/08/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Dương Thanh P, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ (cũ): Tổ A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh ng Tháp.

Địa chỉ hiện nay: Tổ A, ấp A, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Đặng Thị H, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ (cũ): số D, tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ hiện nay: số D, tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và biên bản ghi lời khai nguyên đơn anh Dương Thanh P trình bày:

Anh P và chị H có quen biết và tìm hiểu nhau, có tổ chức cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp ngày 12/01/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm về tính cách và lối sống nên thường xuyên cãi vã, đến giữa năm 2021 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện nay, anh P không còn tình cảm cũng không thể nào chung sống với chị H được nữa nên anh P yêu cầu ly hôn với chị Đặng Thị H.

Về con chung: có 01 con chung tên Dương Gia P1, sinh ngày 03/9/2010. Anh P giao con chung cho chị H nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh P cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật (con đang sống với chị H).

Về tài sản chung: Thửa đất số 516, tờ bản đồ số 45, diện tích 465,3m² đất toạ lạc xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) do Đặng Thị H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4, diện tích 72m², mái tole, vách tường, nền gạch (đất chị H đang quản lý sử dụng, nhà chị H và con đang ở) và chiếc xe Dream biển số 66H2- 6166 hiện chị H đang quản lý sử dụng.

Trước đây theo đơn khởi kiện anh P có yêu cầu được công nhận 100m² đất ở và 50m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa 516, tờ bản đồ số 45, toạ lạc xã T, tỉnh Đồng Tháp; còn căn nhà cấp 4 tại thửa đất 516 anh đồng ý giao cho chị H sử dụng và yêu cầu được sử dụng chiếc xe Dream biển số 66H2- 6166. Nay anh P xin rút yêu cầu chia tài sản chung để anh và H tự thỏa thuận với nhau.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị giải quyết ly hôn ngày 08/8/2025, ngày 23/10/2024, ngày 15/10/2024 bị đơn chị Đặng Thị H trình bày:

- Về hôn nhân chị H yêu cầu giải quyết dứt khoát việc ly hôn với anh Dương Thanh P.

- *Về con chung:* Chị H yêu cầu được nuôi Dương Gia P1, sinh ngày 03/9/2010 và yêu cầu anh P cấp dưỡng cháu Gia P1 từ năm 2019 đến thời điểm hiện tại theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Chị H trình bày không có, nên yêu cầu phân chia tài sản của anh P, chị H không đồng ý.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thẩm phán đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không đến phiên tòa là chưa chấp hành theo điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh Dương Thanh P được ly hôn với chị Đặng Thị H. Về con chung: giao Dương Gia P1, sinh ngày 03/9/2010 cho chị H nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Dương Thanh P cấp dưỡng nuôi con theo qui định

pháp luật. Về tài sản chung: anh P trình bày tự thỏa thuận với chị H nên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: anh P trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa anh Dương Thanh P và chị Đặng Thị H là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con chung qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H có địa chỉ tại ấp T, xã T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Đặng Thị H có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên toà (Đơn đề ngày 23/10/2024); căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Dương Thanh P và chị Đặng Thị H chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về lối sống và tính cách dẫn đến thường xuyên cãi nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2021 cho đến nay. Anh P không còn tình cảm với chị H nên yêu cầu được ly hôn với chị H. Tại đơn đề nghị giải quyết ly hôn của chị Đặng Thị H ngày 08/8/2025, nội dung đơn chị H có đề nghị Tòa án giải quyết dứt khoát việc ly hôn của chị và anh P. Trong thời gian chung sống giữa anh P và chị H xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống và tính cách dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay thời gian cũng đã lâu nhưng anh P và chị H không có biện pháp nào để vợ chồng chung sống trở lại với nhau, điều đó chứng tỏ rằng mâu thuẫn giữa anh P với chị H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc anh P yêu cầu ly hôn với chị H là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Dương Thanh P được ly hôn với chị Đặng Thị H.

[2.2] Về con chung: Anh P và chị H chung sống với nhau có 01 con chung tên Dương Gia P1, sinh ngày 03/9/2010. Anh P giao con cho chị H nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị H cũng yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị H và anh P sống ly thân thì cháu P1 sống cùng với chị H, cuộc sống của cháu cũng đã ổn định, anh P đồng ý để cháu P1 cho chị H nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị H cũng yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P1 sau khi ly hôn, chị H cũng có điều kiện để nuôi con. Do vậy, nên giao cháu P1 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi Gia Phúc theo qui định pháp luật, thời gian cấp dưỡng từ năm 2019. Anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên chỉ đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2025.

Khoản 1, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng như sau:

“ Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. ”

Xét thấy, theo anh P trình bày thì hiện nay anh P làm nghề lái xe thu nhập không ổn định, chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào mức lương tối thiểu vùng để xác định mức cấp dưỡng nuôi con.

Về thời gian cấp dưỡng: chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con từ năm 2019, anh P chỉ đồng ý cấp dưỡng khi Tòa án xét xử việc ly hôn của anh P và chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, năm 2019 chị H và anh P vẫn còn sống chung, quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh P vẫn còn tồn tại nên việc nuôi dưỡng con là nghĩa vụ chung của anh P và chị H, việc chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con từ năm 2019 là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét việc cấp dưỡng nuôi con từ khi Tòa án giải quyết ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung: anh Dương Thanh P có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy, việc rút yêu cầu chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của anh P với chị Đặng Thị H.

[2.4] Về nợ chung: anh P trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Anh Dương Thanh P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như đã phân tích trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ điều 51, 56, Điều 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Dương Thanh P.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: anh Dương Thanh P được ly hôn với chị Đặng Thị H.

1.2. *Về con chung*: giao cháu Dương Gia P1, sinh ngày 03/9/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn (cháu P1 đang sống với chị H).

Anh Dương Thanh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu vùng tại nơi anh P cư trú (tương ứng 1.725.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 9/2025 cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh P có quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

1.3. *Về tài sản chung*: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của anh Dương Thanh P.

1.4. *Về nợ chung*: anh P trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Về án phí*: Anh Dương Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh P đã nộp ngày 04/10/2024 theo biên lai số 00013564 và 856.000đ theo biên lai số 0013565 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí anh P phải nộp.

Anh Dương Thanh P được nhận lại 556.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân khu vực 8;
- Các đương sự;
- THA dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Nhuận Đông,
(Số 07 ngày 12/01/2009);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Hồng Loan

